

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST

Ngày 19-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Trà

Ông Huỳnh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 120/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Quang L (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 20/12/1972 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Trần Thị D (sinh năm: 1943, chết), gia đình có 5 anh, em, bị cáo là con thứ 04; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 14.8.1995, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 40 tháng tù về tội “Cướp tài sản công dân” tại Bản án số 134/1995/HSST.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận H ngày 01/10/2020, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Anh Lê Huy B, sinh năm: 1981. Địa chỉ: 21B M, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Anh Trần H1, sinh năm: 1971. Địa chỉ: K76/8A đường T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Anh Trần Văn Quang H2, sinh năm: 2002. Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Chị Hồ Thị Thu D, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Khối phố 4, phường X, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Phước Trường A, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Tổ 105, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Lê Thị Hồng P, sinh năm: 1981. Địa chỉ: 21B M, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 01/10/2020, Nguyễn Quang L đi tìm tài sản trộm cắp. Khi đến trước nhà anh Lê Huy B tại 21B M, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, thấy cửa nhà mở và có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7plus 128GB, màu đen để trên ghế sofa nên L lén lút trộm cắp. Khi L chuẩn bị tẩu thoát thì bị phát hiện. L chạy đến trước nhà 47 M thì bị người dân bắt giữ.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Iphone 7plus màu đen, dung lượng 128GB, đã sử dụng, số Imei: 355840090928716 do anh Lê Huy B giao nộp.

Theo kết luận định giá tài sản số 189 ngày 07/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND quận Hu, kết luận: Trị giá chiếc điện thoại nêu trên là 6.300.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Quang L còn nhiều lần trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 21/4/2020, L đi bộ đến trước nhà K76/8A đường T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, thấy cổng nhà mở nên vào trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, dung lượng 32GB của anh Trần H1. Sau đó, L bán chiếc điện thoại với giá 300.000 đồng tại cửa hàng điện thoại P do anh Nguyễn Phước Trường A làm chủ.

Theo kết luận định giá tài sản số 90 ngày 19/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, UBND quận H, kết luận: Trị giá chiếc điện thoại nêu trên là 2.233.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 06/7/2020, L đến phòng 03, tầng 02, khoa Bỏng, Bệnh viện Đ, trộm cắp 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung A7, màu đồng của anh Trần Văn Quang H2 để cạnh giường bệnh. Sau đó, L bán chiếc điện thoại trên tại cửa hàng điện thoại P với giá 300.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 144 ngày 18/2/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, UBND quận H, kết luận: Trị giá chiếc điện thoại nêu trên là 2.600.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 12/7/2020, L đến Phòng số 05, tầng 02, khoa Bỏng, Bệnh viện Đ, trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme3, màu xanh của chị Hồ Thị Thu D để bên cạnh giường, L giữ lại để sử dụng.

Theo kết luận định giá tài sản số 159 ngày 07/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự, UBND quận H, kết luận: Trị giá chiếc điện thoại nêu trên là 1.900.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- Anh Trần H1 giao nộp 01 đĩa CD-R80MQ, chứa đoạn video ghi lại hình ảnh Long trộm cắp điện thoại ngày 21.4.2020

- Nguyễn Quang L giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme3, màu xanh, Imei 1: 869566 047157078, Imei 2: 869566047157060; số tiền 1.500.000 đồng.

Ngoài ra, L khai nhận còn thực hiện 2 vụ trộm cắp điện thoại di động tại Bệnh viện Đ nhưng chưa xác định được bị hại nên Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSHC ngày 11/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quang L từ 18 đến 24 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho Nguyễn Quang L số tiền 1.500.000đ nhưng để đảm bảo trách nhiệm thi hành án nên tạm giữ số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Quang L phải bồi thường cho anh Trần H1 số tiền 2.233.000đ và anh Trần Văn Quang H2 số tiền 2.600.000đ.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo Nguyễn Quang L thừa nhận hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo Nguyễn Quang L nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi người bị hại và mong HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở để xác định: Từ ngày 06.7.2020 đến ngày 01.10.2020, tại địa bàn quận H, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Quang L đã nhiều lần lén lút trộm cắp tài sản, gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7plus của anh Lê Huy B, trị giá 6.300.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 của anh Trần H1, trị giá 2.233.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A7 của anh Trần Văn Quang H2, trị giá 2.600.000 đồng. Ngoài ra, L còn trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Realme3 của chị Hồ Thị Thu D, trị giá 1.900.000 đồng. Tổng trị giá tài sản L đã chiếm đoạt là 13.033.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Quang L đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Nguyễn Quang L là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì thấy: Nguyễn Quang L là người có sức khỏe lao động nhưng không có việc làm và không có nơi cư trú ổn định, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã nhiều lần lén lút thực hiện trộm cắp tài sản. L đã lợi dụng lúc người bị hại thiếu cảnh giác, không có người trông coi nên bị cáo đã thực hiện ý định chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã bị xử phạt tù vào năm 1995 nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà tiếp tục sa vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật.

Về các tình tiết tăng nặng: Nguyễn Quang L thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên khi quyết định mức hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Ngoài ra, L khai nhận còn thực hiện 2 vụ trộm cắp điện thoại di động tại Bệnh viện Đ nhưng chưa xác định được bị hại nên Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Phước Trường A là chủ cửa hàng điện thoại P là người L khai đã mua 02 điện thoại, tuy nhiên anh A không xác định có mua điện thoại của L bán hay không nên CQĐT không xử lý đối với A là có căn cứ.

[4] Về xử lý tang vật và trách nhiệm dân sự:

Đối với 01 đĩa CD-R80MQ, chứa đoạn video ghi lại hình ảnh L trộm chiếc điện thoại ngày 21/4/2020 là vật chứng nên lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Quang L, là tiền của L, HĐXX tuyên trả lại cho Nguyễn Quang L số tiền này. Tuy nhiên, để đảm bảo trách nhiệm thi hành án nên tiếp tục tạm giữ số tiền 1.500.000đ của Nguyễn Quang L tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/12/2020.

Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu đã trả lại cho anh Lê Huy B 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus và chị Hồ Thị Thu D 01 chiếc điện thoại di động Realme 3, anh B và chị D nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với anh Trần H1 yêu cầu bồi thường trị giá tài sản bị chiếm đoạt 2.233.000 đồng và Trần Văn Quang H2 yêu cầu bồi thường trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 2.600.000 đồng nên HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại số tiền này.

Xét những đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở, HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quang L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Nguyễn Quang L 18 (Mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, ngày 01/10/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên trả lại cho Nguyễn Quang L số tiền 1.500.000 đồng. Để đảm bảo thi hành án, tạm giữ số tiền 1.500.000 đồng của Nguyễn Quang L tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/12/2020.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

Xử: Buộc Nguyễn Quang L có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần H1 số tiền 2.233.000 đồng và anh Trần Văn Quang H2 số tiền 2.600.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Bị cáo Nguyễn Quang L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- CA quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Thảo